

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/ HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2023
(*V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình*)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cường.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Kha Thị Hà

Ông Cụt Xuân Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Phùng Tiên Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị L T S, sinh năm 1976 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Bản TB, xã TQ, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh K V H, sinh năm 1975 (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Bản TB, xã TQ, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị L T S trình bày:*

- Về tình cảm: Chị L T S và anh K V H đã kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã YT, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An vào ngày 04 tháng 12 năm 2012. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường

xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị S có nguyện vọng ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị S và anh K V H có 02 con chung là cháu K V A sinh ngày 05/10/2012 và cháu K B C sinh ngày 02/01/2019 . Hiện nay cả hai cháu đang sống với chị S tại bản Cành, xã YT, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Nếu vợ chồng ly hôn thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị S và anh H tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ: Chị S và anh H tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh K V H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh H được. Tại phiên tòa anh H vắng mặt không có lý do.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2023 của cháu K V A trình bày: Cháu Anh có nguyện vọng sống cùng chị S nếu vợ chồng chị S ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đúng thời hạn, không có vi phạm gì; Việc xét xử tại phiên tòa đảm bảo, đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Cho chị S và anh H được ly hôn; Về con chung: Giao cháu cháu K V A sinh ngày 05/10/2012 và cháu K B C sinh ngày 02/01/2019 cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Vụ án thuộc trường hợp tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn anh K V H có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã TQ, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An do đó Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L T S và anh K V H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã YT, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An vào ngày 04/12/2012. Thời điểm kết hôn chị S và anh H đều đã đủ điều kiện kết hôn vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị S trình bày thì sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay chị S không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa nên xin được ly hôn. Anh K V H triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt và qua kết quả xác minh hiện nay anh H không có mặt ở địa phương, đi đâu làm gì không ai biết. Từ đó có cơ sở khẳng định, tình trạng hôn nhân của chị S và anh H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L T S được ly hôn với anh K V H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị S và anh K V H có 02 con chung là cháu K V A sinh ngày 05/10/2012 và cháu K B C sinh ngày 02/01/2019. Hiện nay cả hai cháu đều sống với chị S tại bản Cành, xã YT, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa chị S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị S có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu. Đồng thời cháu K V A cũng có nguyện vọng muốn sống cùng với mẹ còn cháu K B C đang còn nhỏ nên cần được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu K V A, cháu K B C cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L T S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L T S và anh K V H được ly hôn nhau.

2. Về con chung: Giao cháu K V A sinh ngày 05/10/2012, cháu K B C sinh ngày 02/01/2019 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai cháu trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết

4. Về nợ: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị L T S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0010745 ngày 28/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS Tương Dương;
- UBND xã YT;
- Chi cục THADS huyện Tương Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Cường

